

Luật tố tụng hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền - vấn đề pháp điển hóa lần thứ ba

Lê Văn Cẩm*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 5 năm 2010

Tóm tắt. Bài viết đề cập đến việc nghiên cứu về pháp điển hóa lần thứ ba Luật tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) hiện nay trên cơ sở tiếp cận hệ thống 06 nhóm vấn đề tương ứng như sau: 1) Phân tích một số điểm hạn chế chủ yếu của pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành; 2) Đưa ra những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc pháp điển hóa luật TTHS; 3) Xây dựng hệ thống những nguyên tắc cơ bản của việc pháp điển hóa Luật TTHS; 4) Soạn thảo Mô hình lý luận của Bộ luật TTHS Việt Nam theo cơ cấu gồm **Phần chung** và **Phần riêng** tương ứng với hai phương án; 5) Phương án thứ nhất (không ghi nhận các quy định về thi hành án hình sự trong Bộ luật TTHS) gồm có **12 Phần, 47 Chương** với tổng số **516** điều và; 6) Phương án thứ hai (với sự ghi nhận bổ sung thêm 1 Phần với 10 Chương và 160 điều đề cập đến các quy định về THAHS trong Bộ luật TTHS) gồm có **13 Phần, 57 Chương** với tổng số **676** điều.

1. Đặt vấn đề

1.1. Tính thời sự của việc nghiên cứu vấn đề.

Trong giai đoạn xây dựng một Nhà nước pháp quyền (NNPQ) đích thực ở Việt Nam hiện nay, việc nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện hơn nữa *theo hướng pháp điển hóa lần thứ ba* luật tố tụng hình sự (TTHS) nước nhà nhằm tăng cường hơn nữa việc bảo vệ các quyền (BVQC) con người trong hoạt động tư pháp hình sự (TPHS) và nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tội phạm (ĐTTrCTP) có ý nghĩa rất quan trọng trên *ba* bình diện chủ yếu dưới đây:

1.1.1. Về mặt **lập pháp**, Dự thảo Luật “Về sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003” hiện nay của Nhà nước ta đang

được giao cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì soạn thảo và chính vì vậy, việc nghiên cứu của các nhà khoa học-luật gia trong lĩnh vực tư pháp hình sự (TPHS) để xây dựng một mô hình lý luận (MHLL) về Bộ luật TTHS Việt Nam (tương lai) sau lần pháp điển hóa thứ *ba* là rất cần thiết vì mặc dù pháp luật TTHS thực định của nước ta đã qua hai lần pháp điển hóa (lần thứ *nhất* - với Bộ luật TTHS năm 1988 và, lần thứ *hai* - với Bộ luật TTHS năm 2003) nhưng sự thật là một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành vẫn còn thể hiện *nhiều điểm hạn chế* chưa phù hợp với *thực tiễn TPHS* nói chung và *thực tiễn ĐTTrCTP* nói riêng trong giai đoạn xây dựng NNPQ.

1.1.2. Về mặt **thực tiễn**, cho đến nay sau bảy năm thi hành nhưng Bộ luật TTHS năm 2003 do vẫn còn nhiều quy định của nó *chưa nhận được những giải thích thống nhất mang tính chất chỉ đạo* từ phía các cơ quan có thẩm

*ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: tskhlecaml@yahoo.com

quyền của Nhà nước nên ngay trong đội ngũ cán bộ thực tiễn TPHS của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng còn có *không ít cách hiểu khác nhau-chưa nhất quán* và chính điều này, là một trong những nguyên nhân chủ yếu của việc áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS vẫn còn thiếu chính xác nên đã dẫn đến thực trạng tùy tiện-vi phạm pháp chế, gây nên oan-sai hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho các quyền và tự do của con người và của công dân trong lĩnh vực TPHS.

1.1.3. Về mặt *lý luận*, trong khi đó khoa học luật TTHS ở Việt Nam đương đại vẫn chưa có một công trình chuyên khảo đồng bộ-có hệ thống và toàn diện nào *đề cập riêng* đến việc nghiên cứu để soạn theo một MHLL của Bộ luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP với sự phân chia các chế định luật TTHS tương ứng theo Phần chung và Phần riêng và chỉ rõ *tên gọi của từng Phần lớn, Chương và Điều cụ thể* để góp phần tiếp tục hoàn thiện pháp luật TTHS quốc gia hiện hành nhằm bảo vệ một cách vững chắc các quyền con người trong hoạt động TPHS và nâng cao hiệu quả của cuộc ĐTrCTP, đồng thời hỗ trợ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng thành công NNQP và bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc cải cách tư pháp (CCTP) ở nước ta hiện nay.

1.2. *Hệ thống những vấn đề cần nghiên cứu.* Như vậy, tất cả những điều đã được phân tích trên đây không chỉ luận chứng cho tính thời sự cần thiết của việc phân tích khoa học những vấn đề lý luận về pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP hiện nay, mà còn là lý do của chủ đề nghiên cứu được đặt ra trong bài báo khoa học này của chúng tôi. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp, rộng lớn và nhiều khía cạnh của những vấn đề pháp điển hóa luật TTHS nên trong bài viết này chúng tôi hạn chế chỉ đề cập đến những vấn đề nào mà theo quan điểm của chúng tôi là cơ bản và quan trọng hơn cả theo hệ thống như sau: 1) Một số điểm hạn chế chủ yếu của pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành; 2) Những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP; 3)

Những nguyên tắc cơ bản của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP; 4) Cơ cấu của MHLL về Bộ luật TTHS Việt Nam (tương lai) trong giai đoạn xây dựng NNQP; 5) Phương án thứ nhất của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam và; 6) Phương án thứ hai của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam.

2. Nội dung vấn đề

2.1. *Một số điểm hạn chế chủ yếu của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.* Việc nghiên cứu các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành cho thấy, Bộ luật TTHS (tương lai) của Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP nếu được thông qua sau lần pháp điển hóa thứ ba thì cần phải bảo đảm được tính khả thi cao và đạt được sự điều chỉnh đến mức tối đa các quy phạm và các chế định của luật hình thức với kỹ thuật lập pháp tốt hơn. Vì việc nghiên cứu các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành đã cho thấy một số điểm hạn chế chủ yếu dưới đây:

2.1.1. *Một là*, các quy định về *những nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS* cần phải được sửa đổi-bổ sung để biên soạn lại. Bởi lẽ: 1) Những nguyên tắc cơ bản của luật TTHS là một chế định rất quan trọng và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ các quy phạm trong Bộ luật TTHS nên nó cần phải được ghi nhận sao cho bảo đảm tính khoa học-ngắn gọn và súc tích, chứ không thể *dài trải dài lê thê trong suốt 30 điều* (từ Điều 3 đến Điều 32); 2) Vẫn còn thiếu sự điều chỉnh chính thức một cách *cụ thể, rõ ràng và riêng biệt về mặt lập pháp ba nguyên tắc quan trọng* - nguyên tắc *suy đoán vô tội* trong TTHS, nguyên tắc *minh oan* trong TTHS, nguyên tắc *tranh tụng của các bên* trong TTHS; 3) Nội dung của một loạt các nguyên tắc vẫn còn hoặc là hết sức sơ sài, hoặc là quá dàn trải trong nhiều điều và *chưa thể hiện được đầy đủ tư tưởng BVQP con người trong TTHS* - nguyên tắc pháp chế XHCN trong TTHS (Điều 3), các nguyên tắc liên quan đến *các quyền và tự do hiến định của công dân* (các điều 4 và 6-8) hay đến *dân chủ trong TTHS* (các

điều 24-25 và 32) cần phải hợp nhất lại thành từng điều theo nội dung tương ứng; nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 9) hay nguyên tắc bảo đảm quyền của người bị tạm giữ-bị can và bị cáo (Điều 11); v.v...

2.1.2. Hai là, các quy định về *những người tham gia tố tụng* vẫn còn tồn tại một loạt các khiếm khuyết cần phải được khắc phục, chẳng hạn như: *danh mục các quyền* của người bị tạm giữ (hoặc có thể gọi là người bị tình nghi), bị can, bị cáo, người bị hại *vẫn còn rất hạn chế* (các điều 48-51); v.v...

2.1.3. Ba là, các quy định về *xét xử vụ án hình sự* còn bị hạn chế bởi một loạt các nhược điểm khi chưa điều chỉnh về mặt lập pháp một số vấn đề như: 1) Không có các quy phạm cụ thể về *ba điều kiện cơ bản để đạt được các mục đích của hình phạt* khi tuyên một *bản án* – tính *công minh*, tính *có căn cứ* và tính *đúng pháp luật* của một *bản án*); 2) Các trường hợp tương ứng cụ thể mà trong đó Tòa án nhất thiết phải tuyên một trong *hai loại bản án* - bản án tuyên *có tội* và bản án tuyên *vô tội*; v.v...

2.1.4. Bốn là, chưa cần bàn về việc *thi hành án hình sự* (THAHS) có phải (hay không) là một ngành luật độc lập (vì có các đối tượng và phương pháp điều chỉnh riêng) và vì vậy, các quy định về THAHS có cần phải được (hay không) pháp điển hóa thành Bộ luật THAHS độc lập; nhưng nếu như nhà làm luật Việt Nam vẫn tiếp tục coi THAHS một giai đoạn (và là giai đoạn cuối cùng) của TTHS, thì các quy định về THAHS trong Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2003 hiện hành (gồm có 05 Chương từ XXV đến XXIX thuộc Phần thứ năm) với *văn vẻ chỉ có 17 điều* (từ Điều 255 đến Điều 271) rõ ràng là *thiếu tính khoa học* vì *quá sơ sài-đơn giản-không cụ thể nên không thể nào điều chỉnh hết được các quan hệ xã hội trong lĩnh vực THAHS* đây khó khăn-phức tạp và rộng lớn của một quốc gia. Bởi lẽ, Phần thứ năm Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2003 hiện hành vẫn không có sự điều chỉnh chính thức về mặt lập pháp một loạt nhóm vấn đề quan trọng như: 1) *Địa vị pháp lý của các phạm nhân bị kết án các loại hình phạt khác nhau* - không tước tự do,

tước tự do, tử hình; 2) *Chế định kiểm tra và kiểm sát đối với các cơ quan THAHS* (như: sự kiểm tra của các cơ quan quyền lực Nhà nước, sự kiểm tra của Tòa án, sự kiểm tra của cơ quan THAHS cấp trên trong quan hệ với cấp dưới và sự kiểm sát của VKS; 3) *Thi hành các hình phạt bổ sung*; 4) Một số hình phạt chính không tước tự do (như: cải tạo không giam giữ, phạt tiền, trục xuất), cũng như một loạt các biện pháp tư pháp hay không tước tự do (như: cải tạo không giam giữ) hay một loạt các chế định về chấp hành hình phạt-CHHP (như: án treo) có liên quan rất thiết thực đến việc BVCC con người bằng pháp luật THAHS mà lẽ ra cần phải được điều chỉnh bằng văn bản *luật* của nhánh quyền *lập pháp* (Quốc hội), thì lại được điều chỉnh bằng các văn bản *dưới luật* của nhánh quyền *hành pháp* (Nghị định của Chính phủ); 4) Các quy định riêng về THAHS đối với người chưa thành niên bị kết án; v.v...

2.2. *Những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc pháp điển hóa luật tố tụng hình sự.* Từ trước đến nay trong khoa học luật TTHS Việt Nam vẫn chưa hề có định nghĩa về khái niệm như thế nào là “*cơ sở khoa học-thực tiễn*” của việc *pháp điển hóa luật TTHS*. Do đó, trong quá trình hoàn thiện pháp luật TTHS nước nhà theo hướng pháp điển hóa lần thứ *ba* nhiệm vụ của chúng ta là cần phải xây dựng được định nghĩa khoa học của khái niệm đã nêu. Như vậy, xuất phát từ việc nghiên cứu các quy định của Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2003 hiện hành và thực tiễn áp dụng chúng trong các hoạt động điều tra-truy tố-xét xử và THAHS, cũng như căn cứ vào những yêu cầu (đòi hỏi) của việc điều chỉnh các quan hệ xã hội (QHXH) trong lĩnh vực TTHS hiện nay và những năm sắp đến chúng ta có thể đưa ra khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Cơ sở khoa học-thực tiễn của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ là căn cứ riêng thể hiện nội dung cơ bản và các lợi ích xã hội tương ứng của hệ thống pháp luật TTHS (thực định), đồng thời phản ánh quy luật khách quan tác động đến quá trình hoàn thiện tối đa theo hướng*

pháp điển hóa luật TTHS, mà dựa vào chúng (những căn cứ đó) Nhà nước có thể soạn thảo được các đạo luật (Bộ luật) TTHS khả thi, phù hợp với các chế định pháp lý tiến bộ của nền văn minh nhân loại nhằm BVQC con người bằng pháp luật TTHS theo đúng các chuẩn mực của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực TPHS, nâng cao hiệu quả các hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực tiễn điều tra-truy tố và xét xử các vụ án hình sự (nói riêng) và tăng cường được sức mạnh của hệ thống TPHS đất nước trong cuộc ĐTrCTP (nói chung), đồng thời góp phần đáng kể vào việc đưa các nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung của NN PQ vào đời sống thực tế. Từ định nghĩa khoa học khái niệm này và trên cơ sở nghiên cứu các quy luật khách quan đang tồn tại ở Việt Nam đương đại về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, lịch sử-truyền thống, v.v... tác động đến quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật TTHS (nói riêng) và chính sách pháp luật TTHS (nói chung) của Nhà nước ta, đồng thời sự phân tích động thái, diễn biến và cơ cấu của tình hình tội phạm và thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật TTHS trong các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự của nước ta thời gian qua cho phép xác định **07 cơ sở khoa học-thực tiễn** sau đây của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ hiện nay:

2.2.1. Một là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải dựa trên nội dung cơ bản và các lợi ích xã hội tương ứng của hệ thống pháp luật TTHS (thực định) của quốc gia trong giai đoạn xây dựng NN PQ.

2.2.2. Hai là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh được các quy luật khách quan tác động đến quá trình hoàn thiện theo hướng pháp điển hóa luật TTHS (thực định).

2.2.3. Ba là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải bảo đảm sao cho sau mỗi lần được pháp điển hóa, thì các quy phạm trong các đạo luật (Bộ luật) TTHS đạt được ở mức cao hơn tính khả thi cao so với các quy phạm tương ứng đã hiện hành trước đó.

2.2.4. Bốn là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải bảo đảm sao cho sau mỗi lần được pháp điển hóa, thì các quy phạm pháp luật TTHS quốc gia đạt được ở mức cao hơn sự phù hợp với các quy phạm và các chế định pháp lý TTHS tiến bộ-dân chủ được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

2.2.5. Năm là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải bảo đảm sao cho sau mỗi lần pháp điển hóa, thì các quy phạm pháp luật TTHS quốc gia đạt được ở mức cao hơn việc BVQC con người, nâng cao hiệu quả các hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực tiễn điều tra-truy tố và xét xử các vụ án hình sự.

2.2.6. Sáu là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải bảo đảm sao cho sau mỗi lần được pháp điển hóa, thì các quy phạm pháp luật TTHS quốc gia đạt được ở mức cao hơn việc tăng cường sức mạnh của hệ thống TPHS đất nước trong cuộc ĐTrCTP (nếu so sánh với giai đoạn trước đây).

2.2.7. Và cuối cùng, bảy là, việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải bảo đảm sao cho sau mỗi lần được pháp điển hóa, thì hệ thống pháp luật TTHS quốc gia đạt được ở mức cao hơn trong việc góp phần đáng kể đưa các nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung của NN PQ vào đời sống thực tế.

2.3. *Những nguyên tắc cơ bản của việc pháp điển hóa luật tố tụng hình sự.* Cũng như khái niệm “*cơ sở khoa học-thực tiễn*”, từ trước đến nay khái niệm “*nguyên tắc*” của việc pháp điển hóa luật TTHS cũng chưa được soạn thảo trong khoa học luật TTHS Việt Nam. Vì vậy, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Nguyên tắc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ là tư tưởng chỉ đạo và là định hướng cơ bản của việc hoàn thiện tối đa hệ thống pháp luật TTHS (thực định) quốc gia mà sau đó, tư tưởng chỉ đạo và là định hướng cơ bản tương ứng có thể được nhận thấy rõ hơn trong quá trình giải thích, cũng như trong thực tiễn áp*

dựng pháp luật TTHS thông qua một (hoặc nhiều) quy phạm hay chế định của nó. Từ khái niệm này và trên cơ sở những cơ sở khoa học-thực tiễn đã nêu trên cho phép xác định các *nguyên tắc cơ bản* sau đây của việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ:

2.3.1. Nguyên tắc thứ *nhất* - việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh rõ được tư tưởng chỉ đạo và định hướng cơ bản của *các nguyên tắc cơ bản tiến bộ và dân chủ được thừa nhận chung của cộng đồng quốc tế trong hoạt động TTHS* như: 1) Pháp chế; 2) Công minh; 3) Nhân đạo; 4) Dân chủ; 5) Công khai; 6) Bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật; 7) Suy đoán vô tội; 8) Bảo đảm sự tôn trọng nhân phẩm cá nhân, cũng như các quyền con người trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và THAHS; 9) Trách nhiệm hình sự trên cơ sở lỗi; v.v...

2.3.2. Nguyên tắc thứ *hai* - việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh rõ được tư tưởng chỉ đạo và định hướng cơ bản về việc *bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu các quyền và tự do của con người và của công dân bằng pháp luật TTHS* với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

2.3.3. Nguyên tắc thứ *ba* - việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh rõ được tư tưởng chỉ đạo và định hướng cơ bản của việc thể hiện cao nhất, đầy đủ nhất ý chí và chủ quyền của nhân dân trong hoạt động đấu tranh phòng-chống tội phạm và xử lý người phạm tội.

2.3.4. Nguyên tắc thứ *tư* - việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh rõ được tư tưởng chỉ đạo và định hướng cơ bản của sự phân tích một cách khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục các QHXX đang tồn tại và sẽ phát triển trong xã hội, cũng như hiệu quả xã hội của các quy phạm và các chế định pháp luật TTHS được áp dụng trong thực tiễn.

2.3.5. Nguyên tắc thứ *năm* - việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh rõ được tư tưởng chỉ đạo và định hướng cơ bản của những luận chứng khoa học thể hiện sự kết hợp hài

hòa các luận điểm khoa học luật TTHS của Việt Nam với các thành tựu tiên tiến của khoa học luật TTHS trên thế giới nhằm đáp ứng kịp thời các đòi hỏi cấp bách của hoạt động TTHS trong cuộc ĐTrCTP.

2.3.6. Và cuối cùng, nguyên tắc thứ *sáu* - việc pháp điển hóa luật TTHS cần phải phản ánh rõ được tư tưởng chỉ đạo và định hướng cơ bản của các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật TTHS quốc tế nhằm hỗ trợ tích cực cho quá trình thực thi các Hiệp định về tương trợ pháp lý hình sự và dẫn độ tội phạm giữa nước ta với các nước khác, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trong xu hướng chung và tất yếu của hội nhập với cộng đồng quốc tế trong cuộc ĐTrCTP.

2.4. *Về mô hình lý luận của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam (tương lai) trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền.* Trong giai đoạn xây dựng một NNPQ đích thực và hình thành xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay khi bàn về việc soạn thảo một đạo luật hay Bộ luật nào đó chúng ta cần phải lưu ý rằng, không nhất thiết là cứ phải giao cho một cơ cấu “cứng” (như: “*Tổ biên soạn*” thuộc bộ máy hành chính quan liêu của một cơ quan Nhà nước nào đó) chủ trì việc soạn thảo ấy, mà trái lại chúng ta có thể công khai thông tin về việc soạn thảo ấy trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng để bất kỳ cá nhân, một nhóm các nhà khoa học-luật gia, tập thể một Trường Đại học (ĐH) hay Viện NCKH nào về pháp luật cũng có thể có điều kiện tham gia vào quá trình soạn thảo. Chúng tôi cho rằng, hiện nay nếu như Đảng và Nhà nước đưa ra những quyết sách mới về *cơ chế soạn thảo các văn bản pháp luật như vậy để đổi mới hoạt động lập pháp thì chắc chắn là sẽ nhận được sự đồng tình-ủng hộ rất rộng rãi của các tầng lớp nhân dân* (đương nhiên là để thực hiện được cơ chế này thì cần phải sửa đổi Hiến pháp). Vấn đề chủ yếu là ở chỗ, sau khi các phương án khác nhau của Dự thảo một đạo luật nào đó từ các nơi được gửi đến cho

Quốc hội, thì nhà làm luật cần phải biết lựa chọn *phương án nào là tối ưu hơn cả* trên các bình diện: 1) Phải tiết kiệm được thời gian và tiền bạc cho Tổ quốc và nhân dân nhiều hơn cả; 2) Các kiến giải lập pháp (KGLP) của phương án đó bảo đảm được đầy đủ năm (05) yêu cầu (đòi hỏi) bắt buộc đối với một quy phạm (chế định) pháp luật được coi là khả thi (như: *chính xác về mặt khoa học, nhất quán về mặt logic pháp lý, đơn giản-dễ hiểu về mặt ngôn ngữ, chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp* và, *phù hợp với thực tiễn* – đáp ứng được các QHXX đang tồn tại và sẽ phát triển trong tương lai). Vì thực tiễn đã cho thấy, do *năng lực yếu kém-trình độ chuyên môn không giỏi-kiến thức pháp luật không sâu-rộng và tư duy cục bộ-hẹp hòi* (lúc nào cũng có tư tưởng “quyền anh-quyền tôi” nên muốn dành cho Bộ, ngành của mình nhiều quyền-ít nghĩa vụ) trong lĩnh vực điều chỉnh tương ứng của đạo luật mà “*Tổ biên soạn*” Luật hay Bộ luật của một cơ quan công quyền nào đó được giao chủ trì soạn thảo (hơn nữa, vì các thành viên chủ yếu gồm các quan chức “phòng giấy” của các cơ quan công quyền) nên có những đạo luật mặc dù đã tiêu tốn rất nhiều tiền từ ngân sách Nhà nước cho việc soạn thảo nhưng *kết quả lại là bất khả thi vì chỉ sau 1-2 năm đã lại “đòi” ngân sách nữa để tiếp tục sửa đổi-bổ sung* (!). Với cách tiếp cận vấn đề như vậy, từ sự phân tích trên và sau nhiều năm suy ngẫm về những vấn đề phải làm sao để góp phần tiếp tục *hoàn thiện theo hướng pháp điển hóa lần thứ ba* luật TTHS quốc gia hiện hành, trên cơ sở nghiên cứu các quy phạm pháp luật TTHS hiện hành của một số NN PQ trên thế giới như: Bộ luật TTHS của Liên bang (LB) Nga năm 2001[1], Bộ luật TTHS của Cộng hòa Liên bang Đức năm 1987 [2], Bộ luật TTHS của Cộng hòa Pháp năm 1957 [3], v.v..., căn cứ vào những điều kiện-hoàn cảnh cụ thể (về kinh tế-xã hội, chính trị-pháp lý, lịch sử-truyền thống, v.v...), đồng thời có tính đến các QHXX đang hình thành và sẽ phát triển trong tương lai ở nước ta, theo quan điểm của chúng tôi Bộ luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ sau lần pháp điển hóa thứ ba nên chăng cần được soạn thảo theo cơ cấu gồm hai phần -

Phần chung và Phần riêng - nhưng có thể theo một trong hai Phương án nêu tại các điểm 5 hoặc 6 dưới đây.

2.5. *Phương án thứ nhất của việc pháp điển hóa luật tố tụng hình sự Việt Nam - không ghi nhận các quy định về THAHS trong Bộ luật TTHS (nếu theo quan điểm THAHS là một ngành luật độc lập) nên cần phải soạn thảo Bộ luật THAHS riêng. Trong trường hợp này thì toàn Bộ luật TTHS (tương lai-sau lần pháp điển hóa thứ ba) với cơ cấu gồm Phần chung và Phần riêng sẽ được phân chia thành 12 Phần lớn và 47 Chương với tổng số tất cả là 516 điều. Tuy nhiên, do sự hạn chế của số trang đăng trên một Tạp chí khoa học nên trong MHLL của Bộ luật TTHS Việt Nam (tương lai) nêu trong bài viết này chúng tôi chỉ có thể biên soạn theo hướng như sau: 1) Về Phần chung - nêu tên gọi cụ thể của từng Phần, từng Chương và từng Điều (trong toàn bộ 180 điều của Phần chung từ Điều 1 đến Điều 180); 2) Về Phần riêng - nêu tên gọi cụ thể của từng Phần, từng Chương và chỉ nêu tổng số điều trong mỗi Chương mà không thể nêu tên gọi cụ thể của từng Điều (trong toàn bộ 335 điều của Phần riêng từ Điều 181 đến Điều 516).*

2.5.1. Phần chung của Bộ luật TTHS Việt Nam (tương lai) được phân chia thành bảy phần (từ Phần I đến Phần VII) và gồm 22 Chương (từ Chương 1 đến Chương 22) với tổng số 180 điều (từ Điều 1 đến Điều 180), cụ thể như sau:

1) Phần thứ I “Những quy định chung” gồm năm chương với 36 điều là:

a) Chương 1 “Về đạo luật TTHS Việt Nam” có 06 điều - Điều 1. Giải thích một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong Bộ luật TTHS; Điều 2. Pháp luật TTHS Việt Nam; Điều 3. Nhiệm vụ của Bộ luật TTHS; Điều 4. Hiệu lực của pháp luật TTHS trên lãnh thổ Việt Nam; Điều 5. Hiệu lực của pháp luật TTHS đối với người nước ngoài và người không có quốc tịch; Điều 6. Hiệu lực của pháp luật TTHS về thời gian.

b) Chương 2 “Những nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS Việt Nam” có 17 điều - Điều 7.

Hệ thống các nguyên tắc của pháp luật TTHS Việt Nam; Điều 8. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong TTHS; Điều 9. Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm cá nhân, các quyền và tự do của công dân trong TTHS; Điều 10. Nguyên tắc bình đẳng trước luật TTHS và Tòa án; Điều 11. Nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS; Điều 12. Nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án; Điều 13. Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can và bị cáo; Điều 14. Nguyên tắc tham gia xét xử của Hội thẩm; Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong TTHS; Điều 15. Nguyên tắc chỉ có Tòa án mới có quyền xét xử-Tòa án xét xử tập thể và công khai trong TTHS; Điều 16. Nguyên tắc hai cấp xét xử và giám đốc việc xét xử trong TTHS; Điều 17. Nguyên tắc thực hành quyền công tố trong TTHS; Điều 18. Nguyên tắc dân chủ trong TTHS; Điều 19. Nguyên tắc công khai trong TTHS; Điều 20. Nguyên tắc minh oan trong TTHS; Điều 21. Nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án và quyết định của Tòa án trong TTHS; Điều 22. Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại và tố cáo trong TTHS; Điều 23. Nguyên tắc tranh tụng của các bên trong TTHS (mới).

c) Chương 3 “*Về các thời hạn, án phí và biên bản trong TTHS*” có 04 điều - Điều 24. Cách tính thời hạn trong TTHS; Điều 25. Việc chấp hành, gia hạn và phục hồi thời hạn trong TTHS; Điều 26. Các chi phí trong TTHS; Điều 27. Các biên bản trong TTHS.

d) Chương 4 “*Các quyết định TTHS*” có 05 điều - Điều 28. Khái niệm quyết định TTHS và phân loại các quyết định TTHS; Điều 29. Những yêu cầu và các bộ phận cấu thành của quyết định TTHS; Điều 30. Những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền ban hành và những người tham gia TTHS khác được quyền tìm hiểu các quyết định TTHS; Điều 31. Tính chất bắt buộc của quyết định TTHS; Điều 32. Hiệu lực pháp lý của quyết định TTHS; Điều 33. Tính chất đặc biệt của quyết định TTHS.

đ) Chương 5 “*Các hoạt động TTHS*” có 04 điều - Điều 34. Khái niệm hoạt động TTHS và

phân loại các hoạt động TTHS; Điều 35. Tính chất bắt buộc của việc giải thích và bảo đảm quyền tham gia vào các hoạt động TTHS; Điều 36. Việc áp dụng những phương tiện kỹ thuật, khoa học, công nghệ và tin học trong các hoạt động TTHS; Điều 37. Việc xác nhận quá trình và các kết quả của các hoạt động TTHS.

2) Phần thứ II “*Những chủ thể tham gia TTHS*” gồm sáu chương với 43 điều là:

a) Chương 6 “*Quy định chung về những chủ thể tham gia TTHS*” có 02 điều - Điều 38. Khái niệm chủ thể tham gia TTHS; Điều 39. Phân loại những chủ thể tham gia TTHS.

b) Chương 7 “*Về Tòa án trong TTHS*” có 09 điều - Điều 40. Khái niệm Tòa án với tư cách là cơ quan tiến hành TTHS; Điều 41. Thành phần Hội đồng xét xử; Điều 42. Chánh án và Phó Chánh án trong TTHS; Điều 43. Thẩm phán trong TTHS; Điều 44. Thư ký phiên tòa trong TTHS; Điều 45. Hội thẩm tòa trong TTHS; Điều 46. Các thẩm quyền của Tòa án trong TTHS; Điều 47. Thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự; Điều 48. Những trường hợp thay đổi thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự.

c) Chương 8 “*Về những chủ thể của bên buộc tội trong TTHS*” có 11 điều - Điều 49. Khái niệm bên buộc tội trong TTHS; Điều 50. Khái niệm cơ quan điều tra với tư cách là cơ quan tiến hành TTHS; Điều 51. Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra trong TTHS; Điều 52. Điều tra viên trong TTHS; Điều 53. Khái niệm Viện công tố với tư cách là cơ quan tiến hành TTHS; Điều 54. Viện trưởng và Phó Viện trưởng Viện công tố trong TTHS; Điều 55. Công tố viên Nhà nước trong TTHS; Điều 56. Người bị hại trong TTHS; Điều 57. Tư tố viên trong TTHS; Điều 58. Nguyên đơn dân sự trong TTHS; Điều 59. Người đại diện của bị hại, nguyên đơn dân sự và tư tố viên trong TTHS.

d) Chương 9 “*Về những chủ thể của bên bào chữa (gỡ tội) trong TTHS*” có 11 điều - Điều 60. Khái niệm bên bào chữa (gỡ tội) trong TTHS; Điều 61. Người bị tạm giữ trong TTHS; Điều 62. Bị can; Điều 63. Bị cáo; Điều 64. Người bào chữa trong TTHS; Điều 65. Các

quyền và nghĩa vụ của người bào chữa trong TTHS; Điều 66. Những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa trong TTHS; Điều 67. Việc từ chối, lựa chọn và thay đổi người bào chữa trong TTHS; Điều 68. Bị đơn dân sự trong TTHS; Điều 69. Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can và bị cáo trong TTHS; Điều 70. Người đại diện của bị đơn dân sự trong TTHS.

d) Chương 10 “*Về những chủ thể khác tham gia TTHS*” có 05 điều - Điều 71. Khái niệm chủ thể khác tham gia TTHS; Điều 72. Người làm chứng trong TTHS; Điều 73. Người giám định trong TTHS; Điều 74. Chuyên gia trong TTHS; Điều 75. Người chứng kiến trong TTHS.

e) Chương 11 “*Về những trường hợp không được tham gia TTHS*” có 05 điều - Điều 76. Khái niệm trường hợp không được tham gia TTHS và thủ tục chung của việc giải quyết vấn đề này; Điều 77. Những trường hợp không được tham gia TTHS của người tiến hành tố tụng; Điều 78. Những trường hợp không được tham gia TTHS của một số người thuộc bên buộc tội; Điều 79. Những trường hợp không được tham gia TTHS của một số người thuộc bên bào chữa (gỡ tội); Điều 80. Những trường hợp không được tham gia TTHS của một số người khác không thuộc bên buộc tội và bên bào chữa (gỡ tội).

3) Phần thứ III “*Các biện pháp cưỡng chế trong TTHS*” gồm ba chương với 39 điều là:

a) Chương 12 “*Quy định chung về các biện pháp cưỡng chế trong TTHS*” có 06 điều - Điều 81. Khái niệm và phân loại các biện pháp cưỡng chế (BPCCh) trong TTHS; Điều 82. Những căn cứ để áp dụng các BPCCh trong TTHS; Điều 83. Tính hợp pháp và có căn cứ của việc áp dụng các BPCCh trong TTHS; Điều 84. Thông báo về việc áp dụng BPCCh trong TTHS; Điều 85. Giám sát của Viện công tố đối với việc áp dụng các BPCCh trong TTHS; Điều 86. Kiểm tra của Tòa án đối với việc áp dụng các BPCCh trong TTHS.

b) Chương 13 “*Các biện pháp ngăn chặn trong TTHS*” có 25 điều - Điều 87. Khái niệm

và phân loại các biện pháp ngăn chặn (BPNCh) trong TTHS; Điều 88. Mục đích và những căn cứ để áp dụng các BPNCh trong TTHS; Điều 89. Những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPNCh trong TTHS; Điều 90. Những người bị áp dụng các BPNCh trong TTHS; Điều 91. Khiếu nại về việc áp dụng BPNCh trong TTHS; Điều 92. Khái niệm bắt người trong TTHS; Điều 93. Thủ tục bắt người trong TTHS; Điều 94. Mục đích và những căn cứ để bắt người trong TTHS; Điều 95. Những việc cần làm ngay sau khi bắt người trong TTHS; Điều 96. Những việc cần làm ngay sau khi nhận người bị bắt trong TTHS; Điều 97. Khái niệm tạm giữ trong TTHS; Điều 98. Thủ tục tạm giữ trong TTHS; Điều 99. Mục đích và những căn cứ để tạm giữ trong TTHS; Điều 100. Thời hạn và cách tính thời hạn tạm giữ trong TTHS; Điều 101. Khái niệm tạm giam trong TTHS; Điều 102. Thủ tục tạm giam trong TTHS; Điều 103. Mục đích và những căn cứ để tạm giam trong TTHS; Điều 104. Thời hạn và cách tính thời hạn tạm giam trong TTHS; Điều 105. Nơi tạm giữ và tạm giam người trong TTHS; Điều 106. Khiếu nại về việc tạm giữ, tạm giam người trong TTHS; Điều 107. Bồi thường thiệt hại gây nên do việc áp dụng trái pháp luật việc bắt, tạm giữ và tạm giam người trong TTHS; Điều 108. Cấm đi khỏi nơi cư trú; Điều 109. Bảo lãnh; Điều 110. Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm; Điều 111. Quyết định về việc áp dụng, hủy bỏ hoặc thay đổi BPNCh trong TTHS.

c) Chương 14 “*Các biện pháp cưỡng chế khác trong TTHS*” có 08 điều - Điều 112. Khái niệm và phân loại các BPCCh khác trong TTHS; Điều 113. Những người có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPNCh khác trong TTHS; Điều 114. Buộc phải có mặt theo giấy triệu tập; Điều 115. Dẫn giải; Điều 116. Phạt tiền vì không chịu thực hiện các nghĩa vụ do pháp luật quy định; Điều 116. Tạm kê biên tài sản để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ do pháp luật quy định; Điều 117. Tạm đình chỉ chức vụ để bảo đảm thuận lợi cho hoạt động TTHS; Điều 118. Phạt tiền vì không chịu thực hiện các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

4) Phần thứ IV “*Chứng cứ và chứng minh trong TTHS*” gồm hai chương với 26 điều là:

a) Chương 15 “*Chứng cứ trong TTHS*” có 20 điều - Điều 119. Khái niệm chứng cứ trong TTHS; Điều 120. Phân loại các chứng cứ trong TTHS; Điều 121. Các chứng cứ không được chấp nhận trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; Điều 122. Thu thập và kiểm tra trong TTHS; Điều 123. Đánh giá chứng cứ trong TTHS; Điều 124. Củng cố các chứng cứ trong TTHS; Điều 125. Ghi nhận các chứng cứ trong các biên bản; Điều 126. Xác nhận tính đúng đắn của các chứng cứ; Còn lại 12 điều (từ Điều 127 đến Điều 138 của MHLN này), thì về cơ bản theo quan điểm của chúng tôi vẫn nên *giữ nguyên như tên gọi và nội dung* 12 điều (từ Điều 67 đến Điều 78) của Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành.

b) Chương 16 “*Chứng minh trong TTHS*” có 06 điều - Điều 139. Khái niệm chứng minh trong TTHS; Điều 140. Những vấn đề phải chứng minh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; Điều 141. Những căn cứ để xác định sự thật khách quan và giải quyết vụ án hình sự; Điều 142. Những căn cứ để buộc tội và kết án bị cáo; Điều 143. Những căn cứ để đình chỉ vụ án hình sự không cần phải xác định lỗi của người phạm tội; Điều 144. Những căn cứ để áp dụng các biện pháp cưỡng chế điều trị trong TTHS.

5) Phần thứ V “*Minh oan trong TTHS*” gồm hai chương với 10 điều là:

a) Chương 17 “*Những căn cứ, nguồn kinh phí của việc minh oan và các đối tượng được minh oan trong TTHS*” có 05 điều - Điều 145. Khái niệm minh oan, minh oan hoàn toàn và minh oan từng phần trong TTHS; Điều 146. Khái niệm và phân loại các căn cứ được minh oan trong TTHS; Điều 147. Nguồn kinh phí để bồi thường cho người được minh oan trong TTHS; Điều 148. Các đối tượng có quyền được minh oan trong TTHS; Điều 149. Những người có thẩm quyền xác định đối tượng có quyền được minh oan trong TTHS;

b) Chương 18 “*Thủ tục thực hiện các nội dung của quyền được minh oan trong TTHS*” có

05 điều - Điều 150. Bồi thường thiệt hại về vật chất cho người được minh oan trong TTHS; Điều 151. Bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người được minh oan trong TTHS; Điều 152. Phục hồi các quyền khác cho người được minh oan trong TTHS; Điều 153. Thời hạn đưa ra các yêu cầu về thực hiện các nội dung của quyền minh oan trong TTHS; Điều 154. Khiếu nại các quyết định liên quan đến quyền được minh oan trong TTHS.

6) Phần thứ VI “*Khiếu nại, tố cáo trong TTHS*” gồm hai chương với 19 điều là:

a) Chương 19 “*Khiếu nại trong TTHS*” có 11 điều - Điều 155. Khái niệm khiếu nại trong TTHS; Điều 156. Hậu quả pháp lý của việc khiếu nại sai sự thật; Còn lại 09 điều (từ Điều 157 đến Điều 165) của MHLN này, thì về cơ bản theo quan điểm của chúng tôi vẫn nên *giữ nguyên như tên gọi và nội dung* của 09 điều (từ Điều 325 đến Điều 333 thuộc Chương XXXV) Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành.

b) Chương 20 “*Tố cáo trong TTHS*” có 08 điều - Điều 166. Khái niệm tố cáo trong TTHS; Điều 167. Hậu quả pháp lý của việc tố cáo sai sự thật; Còn lại 06 điều (từ Điều 168 đến Điều 173 của MHLN này), thì về cơ bản theo quan điểm của chúng tôi vẫn nên *giữ nguyên như tên gọi và nội dung* của 06 điều (từ Điều 334 đến Điều 339 thuộc Chương XXXV) Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành.

7) Phần thứ VII “*Hợp tác quốc tế trong TTHS*” gồm hai chương (21 và 22) với 07 điều (từ Điều 174 đến Điều 180 của MHLN này) và về cơ bản, theo quan điểm của chúng tôi vẫn nên *giữ nguyên như tên gọi và nội dung* của 07 điều (từ Điều 340 đến Điều 346) thuộc hai chương (XXXVI và XXXVII) Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành.

2.5.2. Phần riêng của Bộ luật TTHS Việt Nam (tương lai) được phân chia thành năm phần (từ Phần VIII đến Phần XII) và gồm 26 Chương (từ Chương 23 đến Chương 47) với tổng số 335 điều (từ Điều 181 đến Điều 516), cụ thể như sau:

8) Phần thứ VIII “*Thủ tục tố tụng trong các giai đoạn trước khi xét xử vụ án hình sự*” gồm

tám chương với 127 điều là: 1) Chương 23 “Khởi tố vụ án hình sự” - 10 điều (181-190); 2) Chương 24 “Những quy định chung về điều tra vụ án hình sự” - 16 điều (191- 206); 3) Chương 25 “Khởi tố bị can và buộc tội”- 08 điều (207-214); 4) Chương 26 “Các hoạt động tố tụng chủ yếu trong giai đoạn điều tra”- 46 điều ((215-260)); 5) Chương 27 “Trung cầu giám định tư pháp” - 12 điều (261-272); 6) Chương 28 “Tạm đình chỉ, phục hồi và kết thúc điều tra vụ án hình sự” - 10 điều (273-282); 7) Chương 29 “Chuyển hồ sơ vụ án hình sự và kết luận điều tra sang Viện công tố” - 10 điều (283-292); 8) Chương 30 “Các hoạt động tố tụng chủ yếu trong giai đoạn truy tố” - 05 điều (293-297).

9) Phần thứ IX “Thủ tục xét xử vụ án hình sự ở cấp sơ thẩm” gồm tám chương với 100 điều là: 1) Chương 31 “Khái niệm và thẩm quyền của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự ở cấp sơ thẩm” - 08 điều (298-305); 2) Chương 32 “Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự ở cấp sơ thẩm” - 09 điều (306-314); 3) Chương 33 “Những điều kiện chung của việc xét xử vụ án hình sự” - 20 điều (315-334); 4) Chương 34 “Trình tự bắt đầu phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự” - 12 điều (335-346); 5) Chương 35 “Trình tự xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự” - 20 điều (347-366); 6) Chương 36 “Trình tự tranh tụng và nói lời sau cùng của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự” - 12 điều (367-378); 7) Chương 37 “Trình tự ra bản án của Hội đồng xét xử và tuyên bản án tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự” - 10 điều (379-388); 8) Chương 38 “Các loại bản án hình sự sơ thẩm” - 10 điều (389-398).

10) Phần thứ X “Thủ tục xét xử vụ án hình sự ở cấp phúc thẩm” gồm ba chương với 32 điều là: 1) Chương 39 “Đối tượng, thẩm quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị các bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm” - 11 điều (399-409); 2) Chương 40 “Khái niệm, tính chất và trình tự phiên tòa xét xử vụ án hình sự ở cấp phúc thẩm” - 10 điều (410-419); 3) Chương 41 “Các loại bản án hình sự sơ thẩm” - 11 điều (420-430).

11) Phần thứ XI “Thủ tục kiểm tra tính hợp pháp, có căn cứ và công minh của bản án và

quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm” gồm ba chương với 47 điều là: 1) Chương 42 “Khái niệm và những điều kiện chung của việc kiểm tra tính hợp pháp, có căn cứ và công minh của bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật” - 18 điều (431-448); 2) Chương 43 “Thủ tục giám đốc thẩm vụ án hình sự” - 18 điều (449-466); 3) Chương 44 “Thủ tục tái thẩm vụ án hình sự” - 11 điều (467-477).

12) Và cuối cùng, Phần thứ XII “Thủ tục tố tụng đặc biệt đối với một số loại vụ án hình sự” gồm ba chương với 40 điều là: 1) Chương 45 “Thủ tục tố tụng đối với những vụ án hình sự do người chưa thành niên thực hiện” - 14 điều (478-491); 2) Chương 46 “Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế có tính chất y học” - 15 điều (492-506) và; 3) Chương 47 “Thủ tục tố tụng rút gọn đối với một số loại vụ án hình sự” - 10 điều (507-516).

2.6. Phương án thứ hai của việc pháp điển hóa luật tố tụng hình sự Việt Nam - có ghi nhận các quy định về THAHS trong Bộ luật TTHS vì căn cứ vào Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành nhà làm luật Việt Nam coi THAHS là một giai đoạn (và là giai đoạn cuối cùng) của TTHS. Trong trường hợp này, thì về cơ bản toàn bộ cơ cấu của Bộ luật TTHS vẫn giữ nguyên như Phương án thứ nhất, nhưng có một số điểm bổ sung như sau:

2.6.1. Bổ sung thêm thuật ngữ “và thi hành án hình sự” vào đằng sau tập hợp của các từ “điều tra-truy tố-xét xử” trong tất cả các điều luật nào của Bộ luật TTHS (theo Phương án thứ nhất) mà có sử dụng tập hợp của các từ đã nêu.

2.6.2. Phân riêng Bộ luật TTHS sẽ được bổ sung thêm một Phần mới nữa sau Phần thứ XI - Phần thứ XII “*Thủ tục thi hành bản án và quyết định của Tòa án trong TTHS*” gồm có mười Chương mới (từ Chương 45 đến Chương 54) với tổng số 160 điều (từ Điều 478 đến Điều 638). Lúc này Phần thứ XII cũ gồm ba Chương (45-47) và 40 điều (477-516) ở Phương án 1 khi chuyển sang Phương án 2 chỉ thay đổi về con số - tương ứng sẽ tăng lên thành Phần thứ XIII

mới (và cũng là Phần cuối cùng) gồm ba Chương mới (từ Chương 55 đến Chương 57) với 40 điều.

2.6.3. Như vậy, MHLL của Bộ luật TTHS theo Phương án thứ hai sau khi bổ sung thêm Phần thứ XII mới sẽ bao gồm *Phần chung*, *Phần riêng* và sau đó lại được phân chia thành 13 Phần với 57 Chương và tổng cộng tất cả là 676 điều (516 điều trước đây + 160 điều mới bổ sung của mười Chương thuộc Phần XII mới), cụ thể như sau:

1) *Phần chung* có cơ cấu vẫn giữ nguyên như Phương án 1 đã nêu - gồm bảy Phần (I-VII) với 22 Chương (1-22) và tất cả là 180 điều;

2) *Phần riêng* có cơ cấu mới gồm 6 phần (VIII-XIII) và được chia thành 35 Chương (23-57). Riêng 10 Chương (gồm 160 điều) thuộc Phần XII mới được bổ sung có tên gọi và số lượng điều cụ thể như sau: a) Chương 45 “*Những quy định chung về thi hành bản án và quyết định của Tòa án trong TTHS*” - 05 điều; b) Chương 46 “*Địa vị pháp lý của những người bị kết án*” 5 điều; c) Chương 47 “*Các cơ quan, các tổ chức có nhiệm vụ thi hành hình phạt và việc kiểm tra, kiểm sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức này*” - 10 điều; d) Chương 48 “*Thi hành các hình phạt chính không tước tự do*” - 15 điều; đ) Chương 49 “*Thi hành các hình phạt tù*” - 70 điều; e) Chương 50 “*Thi hành hình phạt tử hình*” - 05 điều; f) Chương 51 “*Thi hành các hình phạt bổ sung*” - 30 điều; g) Chương 52 “*Thi hành biện pháp miễn chấp hành hình phạt (CHHP) và các biện pháp về CHHP*” - 15 điều; h) Chương 53 “*Thủ tục xóa án tích*” - 03 điều và; i) Chương 54 “*Các đặc điểm của thủ tục thi hành bản án và quyết định của Tòa án đối với người chưa thành niên bị kết án trong TTHS*” - 05 điều.

3. Kết luận vấn đề

Tóm lại, trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về pháp điển hóa lần thứ ba luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ chúng ta có thể đi đến một số kết luận chung như sau:

1. Một là, để cho việc pháp điển hóa luật TTHS Việt Nam hiện hành *đạt hiệu quả cao* nhà làm luật cần phải lựa chọn phương án pháp điển hóa nào *tối ưu hơn cả*, tức là khi mà các KGLP của phương án đó bảo đảm được đầy đủ **năm (05)** yêu cầu (đòi hỏi) bắt buộc đối với một quy phạm (chế định) pháp luật được coi là khả thi như: 1) Phải *chính xác về mặt khoa học*; 2) Phải *nhất quán về mặt logic pháp lý*; 3) Phải *thống nhất-dễ hiểu về mặt ngôn ngữ*; 4) Phải *chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp* và; 5) Phải *phù hợp với thực tiễn* (tức là đáp ứng được các QHXX đang tồn tại và sẽ phát triển trong tương lai). Nói một cách khác, đúng như nhà luật học công huân của Liên Xô cũ (Liên bang Nga hiện nay), nguyên Đại diện toàn quyền của Tổng thống LB Nga tại Tòa án Hiến pháp LB Nga kiêm Trưởng Ban những vấn đề lý luận hoạt động tư pháp, cố GS.TSKH Xavitxki V.M đã khẳng định: Trong một NN PQ đích thực, pháp luật được các công dân và cộng đồng tôn trọng là nhờ *bản chất tiến bộ và dân chủ của chính hoạt động lập pháp* vì nhà làm luật *thông thái và anh minh* bao giờ cũng là người *biết vì lợi ích của đại đa số công dân và cộng đồng, thực sự công tâm-khách quan-vô tư* (mà không độc đoán hay bị thiên kiến chính trị của ai đó chi phối) khi lựa chọn phương án pháp điển hóa các quy phạm pháp luật để điều chỉnh những QHXX khác nhau của đời sống nhằm bảo đảm cho *phương án được lựa chọn phải là tối ưu hơn cả* (dù cho phương án đó có thể là của một cá nhân, nhóm các nhà khoa học-luật gia, một Trường ĐH hay một Viện NCKH về pháp luật, v.v...), chứ không nhất thiết phương án đó phải là phương án của cơ quan hoặc tổ chức nào được Nhà nước giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo [4].

2. Hai là, thực trạng các quy định (nói chung) và các quy định có liên quan đến việc BVQC con người (nói riêng) của pháp luật TTHS Việt Nam hiện nay vẫn còn một loạt điểm hạn chế chủ yếu (như đã được phân tích trên đây) mà chúng ta cần phải khách quan-công tâm-thẳng thắn nhìn nhận đúng sự thật để khắc phục nhằm tiếp tục hoàn thiện sao cho sau lần pháp điển hóa thứ ba chúng ta sẽ đạt được

sự điều chỉnh đầy đủ về mặt lập pháp, thực thi chính xác về mặt hành pháp và bảo vệ tối đa về mặt tư pháp các quy định của pháp luật TTTH quốc gia mà các quy định đó phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm tương ứng của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực TPHS.

3. Và cuối cùng, ba là, từ các kết luận nêu trên cho thấy, khoa học luật TTTH nước nhà đang đứng trước những nhiệm vụ rất quan trọng là cần tiếp tục nghiên cứu sâu và rộng hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt lý luận, đồng thời đưa ra các giải pháp hoàn thiện sao cho Bộ luật TTTH Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ sẽ vừa một mặt, góp phần nâng cao hiệu quả của việc BVCQ con người và mặt khác, là công cụ tích cực hỗ trợ cho cuộc ĐTrCTP của đất nước, đáp ứng được kịp thời các nhu cầu cấp bách của thực tiễn xã hội và phù hợp với những điều kiện cụ thể (về kinh tế-xã hội, chính trị-pháp lý, văn hóa, lịch sử-truyền thống, v.v...) của Việt Nam trong giai đoạn xây dựng một NN PQ đích thực của dân, do dân và vì dân hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Xem cụ thể hơn: *Bộ luật Tổ tụng hình sự Liên bang Nga*, NXB Sách pháp lý, Maxcova, 2002 (tiếng Nga).
- [2] *Bộ luật Tổ tụng hình sự của Cộng hòa Liên bang Đức*, Với sự sửa đổi-bổ sung đến ngày 01/3/1993 (Bản dịch từ tiếng Đức và Lời giới thiệu của TS Luật học B.A.Philimônôv), Công ty xuất bản "Manuskript", Maxcova, 1994 (tiếng Nga).
- [3] *Bộ luật Tổ tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [4] Xavitxki V.M, *Khái luận thứ nhất: Về suy đoán vô tội và các nguyên tắc tố tụng hình sự khác*. - Trong sách: *Tổ tụng hình sự của Liên bang Nga* (Tập thể tác giả do GS.TSKH **Xavitxki V.M** hiệu đính), NXB Béc, Maxcova, 1997 (tiếng Nga).
- [5] *Bộ luật Tổ tụng hình sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

Criminal procedures Law of Vietnam in the stage of building rule of law state - the issues of the third codification

Le Van Cam

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

In this paper, the author examines the issues relating to the third codification of criminal procedures code of Vietnam in the stage of building rule of law state (NN PQ), which include 6 groups of matters: 1) Analysing main shortcomings of the existing criminal procedures code of Vietnam; 2) Proposing practical - scientific grounds for codifying criminal procedures code; 3) Proposing the system of basic principles for codifying criminal procedures code; 4) Drafting theoretical model of criminal procedures code of Vietnam following the structure of **the general part** and **the particular part** which are in connection with two plans of codification; 5) The first plan (not recognizing provisions on implementation of criminal sentences in the existing criminal procedures code) includes **12** sections, **47** chapters and **516** articles; 6) The second plan (recognizing one more section including 10 chapters, 160 articles relating to implementation of criminal sentences in the existing criminal procedures code) includes **13** sections, **57** chapters and **676** articles.